

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-PT

Ngày 21 - 01 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và Tranh chấp
hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, bà Đinh Thị Mai Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị M. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình; Tạm trú: Bản Sen T, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn H; chị Lò Thị H1. Địa chỉ: Bản B (nay là bản N), xã B, huyện T, tỉnh Sơn La. Chị H1 vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lò Thị H1:* Anh Lò Văn H. Địa chỉ: Bản B (nay là bản N), xã B, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lò Văn H:* Ông Đặng Văn Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lò Văn H, chị Lò Thị H1:* Bà Trần Bích L – Luật sư Văn phòng L1 tin và Công lý, thuộc Đoàn luật sư tỉnh S.

3. Người kháng cáo: Anh Lò Văn H - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Chị Lương Thị M và anh Lò Văn H cùng nhau làm ăn thu mua nông sản (sắn khô). Theo đó chị Lương Thị M đầu tư tiền cho anh Lò Văn H để thu mua nông sản và chở hàng nông sản về xưởng chế biến nông sản cho chị Lương Thị M. Trong quá trình làm việc với nhau, chị M đã nhiều lần chuyển tiền (cả chuyển khoản và tiền mặt) cho anh H với tổng số tiền gần 20 tỷ đồng và anh H cũng đã chuyển hàng nông sản cho chị M. Do anh H chuyển hàng nông sản cho chị M còn thiếu so với số tiền đã nhận của chị M nên ngày 10/10/2021, anh H có tự tay viết giấy nhận tiền đầu tư mua sắn khô của chị M cho vợ chồng anh H, chị H1 với số tiền là 1.290.000.000 đồng. Anh H, chị H1 đã tự nguyện ký vào giấy nhận tiền.

Từ tháng 10/2021 đến tháng 7/2022, chị M tiếp tục đầu tư tiền thu mua nông sản (sắn khô) cho anh H với tổng số tiền là 850.150.000 đồng. Trước đó, ngày 14/6/2021, chị M còn chuyển khoản cho anh H vay số tiền 60.000.000 đồng để anh H đáo hạn ngân hàng. Chị M đã nhiều lần đề nghị anh H chuyển nông sản và số tiền nợ, nhưng anh H không thực hiện.

Ngày 09/6/2022, chị M đã làm đơn tố cáo anh H ra Công an huyện T, tỉnh Sơn La về hành vi chiếm đoạt tài sản. Tại các Biên bản làm việc ngày 26/7/2022, ngày 27/7/2022 của Công an huyện T, anh H đã thừa nhận có việc tự tay viết và ký vào Giấy nhận tiền ngày 10/10/2021 và còn tiếp tục nhận tiền thu mua nông sản (sắn khô) của chị M với tổng số tiền là 850.150.000 đồng. Thừa nhận việc vay chị 60.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng.

Nay chị Lương Thị M khởi kiện yêu cầu buộc anh Lò Văn H và chị Lò Thị H1 trả chị Lương Thị M số tiền 1.290.000.000 đồng, theo Giấy nhận tiền ngày 10/10/2021. Buộc anh Lò Văn H phải trả chị Lương Thị M số tiền đầu tư thu mua nông sản (sắn khô) cho anh Lò Văn H là 850.150.000 đồng và buộc anh Lò Văn H trả cho chị Lương Thị M số tiền vay 60.000.000 đồng. Anh Lò Văn H phải chịu số tiền lãi tổng cộng là 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M rút yêu cầu buộc anh Lò Văn H phải trả cho chị M số tiền lãi là 200.000.000 đồng.

Bị đơn anh Lò Văn H trình bày:

Anh Lò Văn H thừa nhận có việc làm ăn mua bán nông sản với chị Lương Thị M. Thừa nhận còn nợ tiền của chị Lương Thị M để thu mua sắn là 850.150.000 đồng. Thừa nhận ngày 11/6/2021, anh có vay và nhận của chị M số tiền 60.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Thừa nhận có được tự tay viết Giấy nhận tiền ngày 10/10/2021 với nội dung nhận tiền đầu tư của chị M là 1.290.000.000 đồng có đầy đủ chữ ký của bên nhận đầu tư là anh H, chị H1. Tuy nhiên việc viết Giấy nhận tiền là do chị Lương Thị M nhờ viết hộ để đưa về cho

chồng và gia đình xem, thực chất anh H và chị H1 không được nhận tiền. Số tiền nợ 1.290.000.000 đồng là không đúng.

Ngày 16/02/2024 anh Lò Văn H có đơn yêu cầu phản tố: Buộc chị Lương Thị M phải trả cho anh Lò Văn H số tiền 496.679.000 đồng sau khi đã trừ đi các khoản anh H nợ chị M tại các biên bản làm việc tại Công an huyện T, tỉnh Sơn La.

Tại bản khai bổ sung đề ngày 08/4/2024 (giao nộp cho Toà án ngày 11/9/2024) anh H xác định chị M còn nợ anh H số tiền 270.779.500 đồng và yêu cầu buộc chị Lương Thị M phải trả cho anh Lò Văn H số tiền trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị H1 trình bày:

Chị Lò Thị H1 có biết việc mua bán nông sản giữa anh H và chị M, nhưng không nắm được việc vay mượn hay đầu tư gì của anh H và chị M và việc chị M cho anh H vay 60.000.000 đồng để đáo hạn ngân do chị H1 chỉ ở nhà chăm lo cho gia đình. Nay chị H1 đề nghị không tham gia gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 105, 115, 158, 166, 430, 437, 440 Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị M.

Buộc anh Lò Văn H, chị Lò Thị H1 phải trả cho chị Lương Thị M số tiền số tiền 1.290.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng), theo Giấy nhận tiền ngày 10/10/2021 giữa chị Lương Thị M1 và anh Lò Văn H, chị Lò Thị H1.

Buộc anh Lò Văn H phải trả chị Lương Thị M số tiền 850.150.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền thu mua nông sản (sắn khô) của chị Lương Thị M đầu tư cho anh Lò Văn H.

Buộc anh Lò Văn H thanh toán cho chị Lương Thị M số tiền vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lương Thị Minh B anh Lò Văn H phải trả cho chị Lương Thị M số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn H buộc chị Lương Thị M phải trả cho anh Lò Văn H số tiền 270.779.500 đồng (hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 03/10/2024, bị đơn anh Lò Văn H có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 270.779.500 đồng.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không nhất trí trả tiền 1.290.000.000 đồng cho nguyên đơn vì hai bên không thực hiện chốt nợ, giấy nhận tiền do anh H viết nhưng thực chất không nhận tiền mà do chị M nhờ viết hộ để cho gia đình chị M xem. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 270.779.500 đồng.

- Ý kiến của nguyên đơn: Không nhất trí đối với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Lương Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Lò Văn H, chị Lò Thị H1 (địa chỉ: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La) trả lại tiền mua bán hàng hóa nông sản còn nợ, trả lại khoản tiền vay mà bị đơn vay của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 09/11/2020, chị Lương Thị M và anh Lò Văn H xác lập hợp đồng thỏa thuận mua bán nông sản (sắn) với nhau dưới hình thức chị M đầu tư tiền cho anh H thu mua sắn củ tươi của người dân về phơi thành sắn khô xuất bán cho bà M (hai bên hợp đồng bằng miệng không lập thành văn bản). Quá trình chuyển giao tiền thực hiện qua hình thức chuyển khoản, tiền mặt, qua tài khoản bên thứ ba; việc giao nhận hàng là trực tiếp, tuy nhiên giữa các bên không ký nhận về việc nhận tiền hay nhận hàng. Việc theo dõi thực hiện việc chuyển tiền, giao nhận hàng hóa, các bên tự ghi chép vào sổ do mình quản lý (phía chị M do chị M tự lập, phía anh H do người làm công tác kế toán của anh H – chị Lò Thị H2 thực hiện). Ngày 04/02/2021 chị H2 nghỉ việc, tại thời điểm này, hai bên chốt nợ, kết quả anh H nợ chị M số tiền 1.182.780.000 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*). Đến ngày 25/02/2021, anh H yêu cầu chị H2 và chị M chốt sổ lần nữa và có kết quả là anh H còn nợ chị M tổng số tiền 1.319.640.000 đồng (*Một tỷ ba trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Ngày 23/8/2021, tại xưởng của chị M, anh H ký nhận vào sổ của chị Minh xác N anh H nợ 1.294.000.000 đồng, trừ 1 xe hàng của chị H2 đang thế chấp 167.000.000 đồng (28/12: BS 04750), còn 1.127.000.000 đồng.

Đến ngày 10/10/2021, anh H và vợ là chị Lò Thị H1 ra xưởng thu mua nông sản của chị M ở xã T, huyện T và viết giấy nhận tiền của chị M với tổng số tiền 1.290.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng*) để đầu tư mua sắn khô, Vợ chồng anh H ký tên vào bên nhận tiền, chị M ký tên vào bên đầu tư; phía dưới chị M có viết thêm “*số tiền H nợ chưa thanh toán hàng trả lại chuyển qua năm 2021 để trả bằng sắn*”.

Sau đó hai bên tiếp tục làm ăn (Mua bán nông sản) cùng nhau. Từ ngày 10/02/2021, đến cuối tháng 4/2022, anh H nợ thêm chị M số tiền 850.150.000 đồng (*T1 trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ngoài ra anh H còn vay chị M số tiền 60.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng. Nội dung hai khoản nợ này được cả hai bên xác nhận.

[2.2] Bị đơn anh Lò Văn H không thừa nhận khoản nợ 1.290.000.000 đồng, đồng thời liệt kê nhiều khoản giao dịch giữa hai bên, phủ nhận một số nội dung giao dịch giữa hai bên, xác định là căn cứ bị đơn không nợ nguyên đơn mà nguyên đơn nợ bị đơn số tiền 270.779.500 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Việc mua bán, chuyển tiền, hàng giữa các bên được các bên tự lập sổ sách theo dõi. Quá trình mua bán hàng hóa giữa hai bên thường xuyên có sự đối chiếu, chốt nợ (thường bốn năm ngày, hoặc một tuần sẽ thực hiện một lần). Kết quả chốt nợ được kế toán của anh H là chị Lò Thị H2 báo lại cho anh H, chị H1. Bản thân chị Lò Thị H2 (người ghi sổ sách cho anh Lò Văn H) xác định thời điểm chốt nợ cuối cùng ngày 25/02/2021 là do anh H yêu cầu, có sự chứng kiến của anh H thì anh H còn nợ chị M tổng số tiền 1.319.640.000 đồng. Các lần khi được chị H2 báo lại về việc nợ tiền, phía anh H không có ý kiến gì.

Sau đó, ngày 23/8/2021 anh Lò Văn H đã tự mình ký nhận nợ vào sổ của chị Lương Thị M số tiền 1.294.000.000 đồng, trừ 01 xe hàng còn đang thắc mắc 167.000.000 đồng, còn 1.127.000.000 đồng; đến ngày 10/10/2021, anh Lò Văn H và vợ là chị Lò Thị H1 cùng nhau ký nhận vào giấy nhận tiền do chính tay anh H viết thể hiện nội dung đã nhận đầu tư số tiền 1.290.000.000 đồng. Số tiền trên được xác định là số tiền mà vợ chồng anh H còn nợ chị Lương Thị M. Kết quả giám định chữ ký, chữ viết xác định chính là chữ ký, chữ viết của anh Lò Văn H, chị Lò Thị H1. Anh Lò Văn H cũng thừa nhận khi viết giấy anh Lò Văn H hoàn toàn tỉnh táo, không có sự ép buộc. Bị đơn anh Lò Văn H cho rằng việc anh H viết là do chị Lương Thị M nhờ anh Lò Văn H viết hộ để về cho người nhà và chồng của chị Lương Thị M xem tuy nhiên M phủ nhận nội dung trên. Số tiền 1.290.000.000 đồng là một số tiền lớn. Bản thân bị đơn Lò Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nhận thức được hậu quả có thể xảy ra của việc viết, ký giấy xác nhận như trên. Không chỉ anh H mà vợ anh H là chị Lò Thị H1 cũng đã ký xác nhận khoản nợ nêu trên. Đồng thời sau khi ký nhận nợ, các bên tiếp tục làm ăn mua bán nông sản với nhau trong năm tiếp theo. Như vậy có cơ sở xác định số tiền nợ trên là có thật. Lý do anh H đưa ra là không có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn anh Lò Văn H còn đưa ra các tài liệu như các bản phô tô giấy ghi chép các danh mục chuyển tiền và chuyển hàng giữa anh Lò Văn H và chị Lương Thị M; Bảng kê chuyển khoản cho chị Lương Thị M và nhiều tài khoản khác nhưng không ghi rõ nội dung chuyển khoản. Đối với tổng số tiền 1.920.000.000 đồng đã chuyển, anh H cho rằng là tiền chuyển lại cho chị M liên quan đến mua bán hàng hóa, chị Minh xác Đ là tiền anh H trả lại sau khi chị M đưa tiền mặt cho anh H mượn, không liên quan đến việc mua bán hàng hóa. Lời khai của chị M là phù hợp với thực tế khách quan bởi bản thân chị M mới đang là người đầu tư, chuyển tiền cho anh H để anh H thu mua hàng hóa nông sản bán lại cho chị M; bản thân anh H không đưa ra được các giấy tờ thể hiện có sự vay nợ có xác nhận của chị M đối với anh H. Mặt khác các tài liệu anh Lò Văn H cung cấp đều là bản phô tô (bản sao không có chứng thực), tại phiên tòa phúc

thẩm, bị đơn anh Lò Văn H cũng không cung cấp các tài liệu, giấy tờ gốc nên các tài liệu trên đều không thoả mãn các thuộc tính của chứng cứ được quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lò Văn H còn cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận của bà Vũ Phương M2 (Lạng Sơn) được lập năm 2024 xác nhận việc anh Lò Văn H đã trả cho bà Vũ Phương M2 số tiền 350.000.000 đồng thay chị Lương Thị M và 01 bản phô tô (bản sao không có chứng thực) sổ ghi chép có chữ ký của anh Lò Văn H và một chữ ký không ghi họ tên người ký, không có xác nhận hay chữ ký của chị Lương Thị M. Mặt khác tại Giấy xác nhận của bà Vũ Phương M2 có ghi nội dung: *“Đến ngày 18/3/2023 anh H đã thay chị M trả đủ cho tôi số tiền 350.000.000 đồng mà anh H đã nhận trả thay chị M. Việc chị M đã trả tiền lại anh H hay chưa tôi không nắm được”*. Số tiền trên, phía bà Minh xác N là khoản tiền đầu tư giữa các bên liên quan đến vụ ngô, không liên quan đến khoản nợ 1.290.000.000 đồng. Số nợ trên đã được khấu trừ vào một phần số nợ ở vụ nông sản khác mà H đang nợ, nên mới có khoản nợ 850.150.000 đồng mà các bên đã thừa nhận.

[3] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Lò Văn H sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La:

2. Về án phí: Bị đơn anh Lò Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (21/01/2025).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu;
- Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền